

DANH SÁCH

Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp do công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở
và công đoàn cơ sở trực thuộc đề nghị công nhận đạt chuẩn văn hóa
giai đoạn 2023 – 2024
(đủ 24 tháng tính từ ngày đăng ký)

I. KHỐI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP: 463 đơn vị

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
I. Thành phố Thủ Dầu Một: 48 đơn vị		
1.	1.	Ban Dân vận Thành ủy Thủ Dầu Một
2.	2.	Ban Tuyên giáo Thành ủy Thủ Dầu Một
3.	3.	Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Thủ Dầu Một
4.	4.	Ban Tổ chức Thành ủy Thủ Dầu Một
5.	5.	Liên đoàn Lao động thành phố Thủ Dầu Một
6.	6.	Hội Cựu Chiến binh thành phố Thủ Dầu Một
7.	7.	Hội Chữ thập đỏ thành phố Thủ Dầu Một
8.	8.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Thủ Dầu Một
9.	9.	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Thủ Dầu Một
10.	10.	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Thủ Dầu Một
11.	11.	Văn phòng Thành ủy Thủ Dầu Một
12.	12.	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Thủ Dầu Một
13.	13.	Thanh tra thành phố Thủ Dầu Một
14.	14.	Phòng Nội vụ thành phố Thủ Dầu Một
15.	15.	Phòng Tư pháp thành phố Thủ Dầu Một
16.	16.	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Dầu Một

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
17.	17.	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Thủ Dầu Một
18.	18.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Thủ Dầu Một
19.	19.	Chi cục Thống kê thành phố Thủ Dầu Một
20.	20.	Đài Truyền Thanh thành phố Thủ Dầu Một
21.	21.	Phòng Quản lý đô thị thành phố Thủ Dầu Một
22.	22.	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Dầu Một
23.	23.	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Thủ Dầu Một
24.	24.	Trung tâm Văn hóa - Thông tin, Thể thao thành phố Thủ Dầu Một
25.	25.	Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Thủ Dầu Một
26.	26.	Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một
27.	27.	Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một
28.	28.	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Dầu Một
29.	29.	Phòng Kinh tế thành phố Thủ Dầu Một
30.	30.	Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Thủ Dầu Một
31.	31.	Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một
32.	32.	Trung tâm ứng dụng KHKT Lâm Nghiệp Nam Bộ
33.	33.	Phòng Y tế thành phố Thủ Dầu Một
34.	34.	Hội Người cao tuổi thành phố Thủ Dầu Một
35.	35.	UBND Phường Phú Cường thành phố Thủ Dầu Một
36.	36.	UBND Phường Hiệp An thành phố Thủ Dầu Một
37.	37.	UBND Phường Phú Thọ thành phố Thủ Dầu Một
38.	38.	UBND Phường Phú Lợi thành phố Thủ Dầu Một
39.	39.	UBND Phường Phú Hòa thành phố Thủ Dầu Một
40.	40.	UBND Phường Phú Mỹ thành phố Thủ Dầu Một

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
41.	41.	UBND Phường Tân An thành phố Thủ Dầu Một
42.	42.	UBND Phường Chánh Mỹ thành phố Thủ Dầu Một
43.	43.	UBND Phường Định Hòa thành phố Thủ Dầu Một
44.	44.	UBND Phường Chánh Nghĩa thành phố Thủ Dầu Một
45.	45.	UBND Phường Hòa Phú thành phố Thủ Dầu Một
46.	46.	UBND Phường Phú Tân thành phố Thủ Dầu Một
47.	47.	UBND Phường Hiệp Thành thành phố Thủ Dầu Một
48.	48.	UBND Phường Tương Bình Hiệp thành phố Thủ Dầu Một
II. Thành phố Thuận An: 45 đơn vị		
49.	49.	Ban Dân Vận Thành ủy Thuận An
50.	50.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thuận An
51.	51.	Ban Tổ chức Thành ủy thành phố Thuận An
52.	52.	Ban Tuyên Giáo Thành ủy thành phố Thuận An
53.	53.	Bảo hiểm Xã hội thành phố Thuận An
54.	54.	Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Thuận An
55.	55.	Chi cục Thống Kê thành phố Thuận An
56.	56.	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Thuận An
57.	57.	Hội Cựu Chiến binh thành phố Thuận An
58.	58.	Hội Chữ Thập đỏ thành phố Thuận An
59.	59.	Hội Đông y thành phố Thuận An
60.	60.	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Thuận An
61.	61.	Hội Nông dân thành phố Thuận An
62.	62.	Hội Người Cao tuổi thành phố Thuận An
63.	63.	Kho bạc Nhà nước thành phố Thuận An

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
64.	64.	Liên đoàn Lao động thành phố Thuận An
65.	65.	Phòng Kinh tế thành phố Thuận An
66.	66.	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An
67.	67.	Phòng Nội vụ thành phố Thuận An
68.	68.	Phòng Quản lý Đô thị thành phố Thuận An
69.	69.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Thuận An
70.	70.	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thuận An
71.	71.	Phòng Tư pháp thành phố Thuận An
72.	72.	Thanh tra thành phố Thuận An
73.	73.	Phòng Văn hoá và Thông tin thành phố Thuận An
74.	74.	Phòng Y tế thành phố Thuận An
75.	75.	Tòa án Nhân dân thành phố Thuận An
76.	76.	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Thuận An
77.	77.	Trung tâm Chính trị thành phố Thuận An
78.	78.	Trung tâm Giáo dục Trẻ khuyết tật thành phố Thuận An
79.	79.	Trung tâm Văn hoá, Thông tin - Thể thao thành phố Thuận An
80.	80.	Ủy ban Kiểm tra Thành ủy thành phố Thuận An
81.	81.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Thuận An
82.	82.	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Thuận An
83.	83.	Văn phòng Thành ủy thành phố Thuận An
84.	84.	Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Thuận An
85.	85.	UBND Phường Vĩnh Phú thành phố Thuận An
86.	86.	UBND Phường Bình Chuẩn thành phố Thuận An
87.	87.	UBND Phường An Thạnh thành phố Thuận An

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
88.	88.	UBND Phường Bình Hòa thành phố Thuận An
89.	89.	UBND Phường Thuận Giao thành phố Thuận An
90.	90.	UBND Xã An Sơn thành phố Thuận An
91.	91.	UBND Phường Hưng Định thành phố Thuận An
92.	92.	UBND Phường Lái Thiêu thành phố Thuận An
93.	93.	UBND Phường An Phú thành phố Thuận An
III. Thành phố Dĩ An: 47 đơn vị.		
94.	94.	Văn phòng Thành ủy Dĩ An
95.	95.	Ban Dân Vận Thành ủy Dĩ An
96.	96.	Ban Tổ chức Thành ủy Dĩ An
97.	97.	Ban Tuyên giáo Thành ủy Dĩ An
98.	98.	Ủy Ban kiểm tra Thành ủy Dĩ An
99.	99.	Trung tâm Chính trị thành phố Dĩ An
100.	100.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Dĩ An
101.	101.	Liên đoàn Lao động thành phố Dĩ An
102.	102.	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Dĩ An
103.	103.	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Dĩ An
104.	104.	Hội Cựu Chiến binh thành phố Dĩ An
105.	105.	Hội Nông dân thành phố Dĩ An
106.	106.	Hội Đông y thành phố Dĩ An
107.	107.	Hội Chữ Thập đỏ thành phố Dĩ An
108.	108.	Hội Người Cao tuổi thành phố Dĩ An
109.	109.	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Dĩ An
110.	110.	Phòng Quản lý đô thị thành phố Dĩ An

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
111.	111.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Dĩ An
112.	112.	Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố Dĩ An
113.	113.	Thanh tra thành phố Dĩ An
114.	114.	Phòng Tư pháp thành phố Dĩ An
115.	115.	Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Dĩ An
116.	116.	Phòng Y tế thành phố Dĩ An
117.	117.	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực thành phố Dĩ An
118.	118.	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Dĩ An
119.	119.	Phòng Kinh tế thành phố Dĩ An
120.	120.	Phòng Lao động - Thương binh Xã hội thành phố Dĩ An
121.	121.	Phòng Nội vụ thành phố Dĩ An
122.	122.	Đài Truyền thanh thành phố Dĩ An
123.	123.	Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Dĩ An
124.	124.	Trung tâm Văn hóa, Thông tin - Thể thao thành phố Dĩ An
125.	125.	Thư viện thành phố Dĩ An
126.	126.	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố Dĩ An
127.	127.	Xí nghiệp Công trình công cộng thành phố Dĩ An
128.	128.	Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An
129.	129.	Chi cục Thi hành án thành phố Dĩ An
130.	130.	Chi cục Thống kê thành phố Dĩ An
131.	131.	Kho bạc Nhà nước thành phố Dĩ An
132.	132.	Tòa án Nhân dân thành phố Dĩ An
133.	133.	Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Dĩ An
134.	134.	UBND Phường An Bình thành phố Dĩ An

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
135.	135.	UBND Phường Bình An thành phố Dĩ An
136.	136.	UBND Phường Bình Thắng thành phố Dĩ An
137.	137.	UBND Phường Dĩ An thành phố Dĩ An
138.	138.	UBND Phường Đông Hòa thành phố Dĩ An
139.	139.	UBND Phường Tân Bình thành phố Dĩ An
140.	140.	UBND Phường Tân Đông Hiệp thành phố Dĩ An
IV. Thành phố Bến Cát: 44 đơn vị.		
141.	141.	Văn phòng Thành ủy Bến Cát
142.	142.	Kho bạc Nhà nước Bến Cát
143.	143.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Bến Cát
144.	144.	Bảo hiểm xã hội thành phố Bến Cát
145.	145.	Ban Tuyên giáo Thành ủy Bến Cát
146.	146.	Ban Tổ chức Thành ủy Bến Cát
147.	147.	Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Bến Cát
148.	148.	Trung tâm Chính trị thành phố Bến Cát
149.	149.	Liên đoàn Lao động thành phố Bến Cát
150.	150.	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Bến Cát
151.	151.	Thanh tra thành phố Bến Cát
152.	152.	Phòng Tư pháp thành phố Bến Cát
153.	153.	Chi cục Thi hành án thành phố Bến Cát
154.	154.	Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Bến Cát
155.	155.	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh thành phố Bến Cát
156.	156.	Tòa án Nhân dân thành phố Bến Cát
157.	157.	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bến Cát

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
158.	158.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bến Cát
159.	159.	Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Bến Cát
160.	160.	Phòng Kinh tế thành phố Bến Cát
161.	161.	Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Bến Cát
162.	162.	Phòng Y tế thành phố Bến Cát
163.	163.	Phòng Nội vụ thành phố Bến Cát
164.	164.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Bến Cát
165.	165.	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Bến Cát
166.	166.	Trung tâm Bảo tồn sinh thái Phú An
167.	167.	Hội Nông dân thành phố Bến Cát
168.	168.	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Bến Cát
169.	169.	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Bến Cát
170.	170.	Hội Chữ Thập đỏ thành phố Bến Cát
171.	171.	Hội Cựu Chiến binh thành phố Bến Cát
172.	172.	Ban Dân Vận Thành ủy Bến Cát
173.	173.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Bến Cát
174.	174.	Phòng Quản lý đô thị thành phố Bến Cát
175.	175.	Xí nghiệp Công trình công cộng thành phố Bến Cát
176.	176.	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố Bến Cát
177.	177.	UBND phường Mỹ Phước thành phố Bến Cát
178.	178.	UBND xã Phú An thành phố Bến Cát
179.	179.	UBND phường Thới Hòa thành phố Bến Cát
180.	180.	UBND phường Chánh Phú Hòa thành phố Bến Cát
181.	181.	UBND phường An Điền thành phố Bến Cát

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
182.	182.	UBND phường An Tây thành phố Bến Cát
183.	183.	UBND phường Hòa Lợi thành phố Bến Cát
184.	184.	UBND phường Tân Định thành phố Bến Cát
V. Huyện Bắc Tân Uyên: 48 đơn vị		
185.	185.	UBND thị trấn Tân Bình huyện Bắc Tân Uyên
186.	186.	UBND xã Bình Mỹ huyện Bắc Tân Uyên
187.	187.	UBND xã Tân Lập huyện Bắc Tân Uyên
188.	188.	UBND thị trấn Tân Thành huyện Bắc Tân Uyên
189.	189.	UBND xã Tân Định huyện Bắc Tân Uyên
190.	190.	UBND xã Đất Cuốc huyện Bắc Tân Uyên
191.	191.	UBND xã Tân Mỹ huyện Bắc Tân Uyên
192.	192.	UBND xã Thường Tân huyện Bắc Tân Uyên
193.	193.	UBND xã Lạc An huyện Bắc Tân Uyên
194.	194.	UBND xã Hiếu Liêm huyện Bắc Tân Uyên
195.	195.	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bắc Tân Uyên
196.	196.	Ban Quản lý Dự án huyện Bắc Tân Uyên
197.	197.	Chi cục Thống kê huyện Bắc Tân Uyên
198.	198.	Phòng Thanh tra huyện Bắc Tân Uyên
199.	199.	Phòng Tư pháp huyện Bắc Tân Uyên
200.	200.	Đội Thi hành án huyện Bắc Tân Uyên
201.	201.	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bắc Tân Uyên
202.	202.	Văn phòng HĐND - UBND huyện Bắc Tân Uyên
203.	203.	Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Bắc Tân Uyên
204.	204.	Xí nghiệp Công trình Công cộng huyện Bắc Tân Uyên

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
205.	205.	Phòng Nội Vụ huyện Bắc Tân Uyên
206.	206.	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện Bắc Tân Uyên
207.	207.	Chi Cục thuế huyện Bắc Tân Uyên
208.	208.	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Bắc Tân Uyên
209.	209.	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất huyện Bắc Tân Uyên
210.	210.	Bảo hiểm xã hội huyện Bắc Tân Uyên
211.	211.	Phòng Kinh tế huyện Bắc Tân Uyên
212.	212.	Trạm Thủy nông huyện Bắc Tân Uyên
213.	213.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Bắc Tân Uyên
214.	214.	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Bắc Tân Uyên
215.	215.	Hội Cựu chiến binh huyện Bắc Tân Uyên
216.	216.	Hội Nông dân huyện Bắc Tân Uyên
217.	217.	Hội Người Cao tuổi huyện Bắc Tân Uyên
218.	218.	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Bắc Tân Uyên
219.	219.	Liên đoàn Lao động huyện Bắc Tân Uyên
220.	220.	Hội Chữ Thập đỏ huyện Bắc Tân Uyên
221.	221.	Văn phòng Huyện ủy huyện Bắc Tân Uyên
222.	222.	Ban Tổ Chức Huyện ủy Bắc Tân Uyên
223.	223.	Ủy Ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Tân Uyên
224.	224.	Ban Tuyên giáo và Dân vận huyện Bắc Tân Uyên
225.	225.	Trung tâm Chính trị huyện Bắc Tân Uyên
226.	226.	Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Tân Uyên
227.	227.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bắc Tân Uyên
228.	228.	Phòng Văn hoá Khoa học và Thông tin huyện Bắc Tân Uyên

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
229.	229.	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện Bắc Tân Uyên
230.	230.	Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên
231.	231.	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên
232.	232.	Phòng Y tế huyện Bắc Tân Uyên
VI. Huyện Bàu Bàng: 43 đơn vị		
233.	233.	UBND xã Hưng Hòa huyện Bàu Bàng
234.	234.	UBND xã Lai Hưng huyện Bàu Bàng
235.	235.	UBND xã Cây Trường II huyện Bàu Bàng
236.	236.	UBND xã Long Nguyên huyện Bàu Bàng
237.	237.	UBND xã Trừ Văn Thố huyện Bàu Bàng
238.	238.	UBND xã Tân Hưng huyện Bàu Bàng
239.	239.	UBND thị trấn Lai Uyên huyện Bàu Bàng
240.	240.	Ban Dân vận huyện Bàu Bàng
241.	241.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Bàu Bàng
242.	242.	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Bàu Bàng
243.	243.	Hội Cựu chiến binh huyện Bàu Bàng
244.	244.	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Bàu Bàng
245.	245.	Hội Chữ Thập đỏ huyện Bàu Bàng
246.	246.	Liên đoàn Lao động huyện Bàu Bàng
247.	247.	Ban Tổ chức Huyện ủy Bàu Bàng
248.	248.	Văn phòng Huyện ủy Bàu Bàng
249.	249.	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bàu Bàng
250.	250.	Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bàu Bàng
251.	251.	Văn phòng HĐND - UBND huyện Bàu Bàng

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
252.	252.	Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bàu Bàng
253.	253.	Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Bàu Bàng
254.	254.	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bàu Bàng
255.	255.	Phòng Quản lý đô thị huyện Bàu Bàng
256.	256.	Phòng Tư pháp huyện Bàu Bàng
257.	257.	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bàu Bàng
258.	258.	Tòa án Nhân dân huyện Bàu Bàng
259.	259.	Phòng Văn hóa Thông tin huyện Bàu Bàng
260.	260.	Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Bàu Bàng
261.	261.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Bàu Bàng
262.	262.	Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao huyện Bàu Bàng
263.	263.	Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng
264.	264.	Hội Nông dân huyện Bàu Bàng
265.	265.	Phòng Nội vụ huyện Bàu Bàng
266.	266.	Ban Quản lý dự án huyện Bàu Bàng
267.	267.	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Bàu Bàng
268.	268.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bàu Bàng
269.	269.	Chi cục Thống kê huyện Bàu Bàng
270.	270.	Thanh tra huyện Bàu Bàng
271.	271.	Phòng Y tế huyện Bàu Bàng
272.	272.	Bảo hiểm xã hội huyện Bàu Bàng
273.	273.	Trung tâm Chính trị huyện Bàu Bàng
274.	274.	Phòng Kinh tế huyện Bàu Bàng
275.	275.	Kho bạc Nhà nước huyện Bàu Bàng

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
VII. Huyện Phú Giáo: 50 đơn vị		
276.	276.	Văn phòng Huyện ủy Phú Giáo
277.	277.	Ban Tổ chức Huyện ủy Phú Giáo
278.	278.	Ban Dân vận Huyện ủy Phú Giáo
279.	279.	Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Phú Giáo
280.	280.	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Phú Giáo
281.	281.	Trung tâm chính trị huyện Phú Giáo
282.	282.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phú Giáo
283.	283.	Hội Cựu Chiến binh huyện Phú Giáo
284.	284.	Liên đoàn Lao động huyện Phú Giáo
285.	285.	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Phú Giáo
286.	286.	Hội Chữ thập đỏ huyện Phú Giáo
287.	287.	Hội Nông dân huyện Phú Giáo
288.	288.	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Phú Giáo
289.	289.	Nhà Thiếu nhi huyện Phú Giáo
290.	290.	Hội Người Cao tuổi huyện Phú Giáo
291.	291.	Hội người mù huyện Phú Giáo
292.	292.	Hội Cựu Thanh niên xung phong huyện Phú Giáo
293.	293.	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Giáo
294.	294.	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Phú Giáo
295.	295.	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Phú Giáo
296.	296.	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Phú Giáo
297.	297.	Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Phú Giáo
298.	298.	Ban Quản lý dự án huyện Phú Giáo

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
299.	299.	Phòng Quản lý Đô thị huyện Phú Giáo
300.	300.	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Giáo
301.	301.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Giáo
302.	302.	Kho bạc Nhà nước huyện Phú Giáo
303.	303.	Phòng Nội vụ huyện Phú Giáo
304.	304.	Thanh tra huyện Phú Giáo
305.	305.	Phòng Tư pháp huyện Phú Giáo
306.	306.	Tòa án Nhân dân huyện Phú Giáo
307.	307.	Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Phú Giáo
308.	308.	Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Giáo
309.	309.	Phòng Kinh tế huyện Phú Giáo
310.	310.	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Phú Giáo
311.	311.	Phòng Y tế huyện huyện Phú Giáo
312.	312.	Bảo hiểm xã hội huyện huyện Phú Giáo
313.	313.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Giáo
314.	314.	Xí nghiệp Công trình Công cộng huyện Phú Giáo
315.	315.	UBND xã An Linh huyện Phú Giáo
316.	316.	UBND xã An Bình huyện Phú Giáo
317.	317.	UBND xã An Long huyện Phú Giáo
318.	318.	UBND xã An Thái huyện Phú Giáo
319.	319.	UBND xã Tân Hiệp huyện Phú Giáo
320.	320.	UBND xã Tam Lập huyện Phú Giáo
321.	321.	UBND xã Tân Long huyện Phú Giáo
322.	322.	UBND xã Vĩnh Hòa huyện Phú Giáo

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
323.	323.	UBND xã Phước Sang huyện Phú Giáo
324.	324.	UBND xã Phước Hòa huyện Phú Giáo
325.	325.	UBND thị trấn Phước Vĩnh huyện Phú Giáo
VIII. Huyện Dầu Tiếng: 50 đơn vị		
326.	326.	UBND thị trấn Dầu Tiếng
327.	327.	UBND xã An Lập huyện Dầu Tiếng
328.	328.	UBND xã Minh Thạnh huyện Dầu Tiếng
329.	329.	UBND xã Minh Tân huyện Dầu Tiếng
330.	330.	UBND xã Minh Hòa huyện Dầu Tiếng
331.	331.	UBND xã Thanh Tuyền huyện Dầu Tiếng
332.	332.	UBND xã Thanh An huyện Dầu Tiếng
333.	333.	UBND xã Long Hòa huyện Dầu Tiếng
334.	334.	UBND xã Long Tân huyện Dầu Tiếng
335.	335.	UBND xã Định An huyện Dầu Tiếng
336.	336.	UBND xã Định Thành huyện Dầu Tiếng
337.	337.	UBND xã Định Hiệp huyện Dầu Tiếng
338.	338.	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Dầu Tiếng
339.	339.	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền Thanh huyện Dầu Tiếng
340.	340.	Ban quản lý di tích huyện Dầu Tiếng
341.	341.	Kho bạc Nhà nước huyện Dầu Tiếng
342.	342.	Viện kiểm sát Nhân dân huyện Dầu Tiếng
343.	343.	Chi cục thi hành án Dân sự huyện Dầu Tiếng
344.	344.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Dầu Tiếng
345.	345.	Phòng Tư pháp huyện Dầu Tiếng

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
346.	346.	Tòa án Nhân dân huyện Dầu Tiếng
347.	347.	Văn phòng HĐND - UBND huyện Dầu Tiếng
348.	348.	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Dầu Tiếng
349.	349.	Thanh tra huyện Dầu Tiếng
350.	350.	Phòng Nội vụ huyện Dầu Tiếng
351.	351.	Phòng Y tế huyện Dầu Tiếng
352.	352.	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Dầu Tiếng
353.	353.	Bảo hiểm xã hội huyện Dầu Tiếng
354.	354.	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Dầu Tiếng
355.	355.	Văn phòng Huyện ủy Dầu Tiếng
356.	356.	Ban Tổ chức Huyện ủy Dầu Tiếng
357.	357.	Ban Dân vận Huyện ủy Dầu Tiếng
358.	358.	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Dầu Tiếng
359.	359.	Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Dầu Tiếng
360.	360.	Trung tâm Chính trị huyện Dầu Tiếng
361.	361.	Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Dầu Tiếng
362.	362.	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Dầu Tiếng
363.	363.	Phòng Kinh tế huyện Dầu Tiếng
364.	364.	Hạt Kiểm lâm huyện Dầu Tiếng
365.	365.	Ban Quản lý Dự án huyện Dầu Tiếng
366.	366.	Phòng Quản lý Đô thị huyện Dầu Tiếng
367.	367.	Xí nghiệp Công trình công cộng huyện Dầu Tiếng
368.	368.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện huyện Dầu Tiếng
369.	369.	Liên đoàn Lao động huyện Dầu Tiếng

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
370.	370.	Hội Chữ Thập đỏ huyện Dầu Tiếng
371.	371.	Hội Nông dân huyện Dầu Tiếng
372.	372.	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Dầu Tiếng
373.	373.	Hội Cựu Chiến binh huyện Dầu Tiếng
374.	374.	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Dầu Tiếng
375.	375.	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Dầu Tiếng
IX. Trực thuộc Công đoàn Viên chức tỉnh (cũ): 71 đơn vị		
376.	376.	Văn phòng Tỉnh ủy
377.	377.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
378.	378.	Ban Dân vận Tỉnh ủy
379.	379.	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
380.	380.	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh
381.	381.	Đảng ủy khối các Doanh nghiệp tỉnh
382.	382.	Trường Chính trị tỉnh
383.	383.	Cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh
384.	384.	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Bình Dương
385.	385.	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
386.	386.	Hội Nông dân tỉnh
387.	387.	Hội Chữ thập đỏ tỉnh
388.	388.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương
389.	389.	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
390.	390.	Báo Bình Dương
391.	391.	Hội Cựu chiến binh tỉnh
392.	392.	Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ Công đoàn Bình Dương

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
393.	393.	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh
394.	394.	Ban Nội chính Tỉnh ủy
395.	395.	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh
396.	396.	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh
397.	397.	Liên minh Hợp tác xã tỉnh
398.	398.	Hội Người mù tỉnh
399.	399.	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh
400.	400.	Hội Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh
401.	401.	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân tỉnh
402.	402.	Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh
403.	403.	Sở Nội vụ
404.	404.	Sở Ngoại vụ
405.	405.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội
406.	406.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
407.	407.	Sở Tài nguyên và Môi trường
408.	408.	Sở Khoa học và Công nghệ
409.	409.	Sở Tài chính
410.	410.	Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương
411.	411.	Cục Thuế
412.	412.	Cục Hải quan tỉnh
413.	413.	Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương
414.	414.	Cục Thống kê tỉnh
415.	415.	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
416.	416.	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
417.	417.	Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật
418.	418.	Sở Giao thông Vận tải
419.	419.	Trung tâm kiểm xe cơ giới Bình Dương
420.	420.	Đoàn quản lý sửa chữa công trình giao thông Bình Dương
421.	421.	Bến xe khách Bình Dương
422.	422.	Trung tâm Quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng Bình Dương
423.	423.	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Sát hạch lái xe Bình Dương
424.	424.	Cảng vụ Đường thủy Nội địa tỉnh Bình Dương
425.	425.	Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh
426.	426.	Sở Xây dựng
427.	427.	Sở Công thương
428.	428.	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh
429.	429.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
430.	430.	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao
431.	431.	Trung tâm xúc tiến du lịch
432.	432.	Trung tâm Văn hóa tỉnh Bình Dương
433.	433.	Thư viện tỉnh Bình Dương
434.	434.	Bảo hiểm Xã hội tỉnh Bình Dương
435.	435.	Thanh tra tỉnh
436.	436.	Tòa án Nhân dân tỉnh
437.	437.	Viện Kiểm sát tỉnh
438.	438.	Sở Tư pháp
439.	439.	Sở Thông tin và Truyền thông
440.	440.	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
441.	441.	Cục Thi hành án Dân sự
442.	442.	Cục Dự trữ Nông nghiệp khu vực Đông Nam Bộ
443.	443.	Cục Quản lý thị trường
444.	444.	Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải
445.	445.	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông
446.	446.	Ban Quản lý Dự án Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
X. Trục thuộc Công đoàn Ngành Giáo dục (cũ): 1 đơn vị		
447.	447.	Sở Giáo dục và Đào tạo
XI. Trục thuộc Công đoàn Ngành Y tế (cũ): 16 đơn vị.		
448.	448.	Sở Y tế
449.	449.	Bệnh viện Đa khoa tỉnh
450.	450.	Bệnh viện Phụ sản – Nhi Bình Dương
451.	451.	Bệnh viện Phục hồi chức năng
452.	452.	Trung tâm Kiểm nghiệm
453.	453.	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật
454.	454.	Trung tâm Y tế thành phố Thủ Dầu Một
455.	455.	Trung tâm Y tế thành phố Thuận An
456.	456.	Trung tâm Y tế thành phố Dĩ An
457.	457.	Trung tâm Y tế thành phố Tân Uyên
458.	458.	Trung tâm Y tế thành phố Bến Cát
459.	459.	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên
460.	460.	Trung tâm Y tế huyện Phú Giáo
461.	461.	Trung tâm Y tế huyện Bàu Bàng
462.	462.	Trung tâm Y tế huyện Dầu Tiếng

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
463.	463.	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

II. KHỐI GIÁO DỤC: 348 đơn vị

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
I. Thành phố Thủ Dầu Một: 56 đơn vị		
464.	1.	Trường Mầm non Sen Hồng thành phố Thủ Dầu Một
465.	2.	Trường Mầm non Hòa Mi thành phố Thủ Dầu Một
466.	3.	Trường Mầm non Sao Mai thành phố Thủ Dầu Một
467.	4.	Trường Mầm non Hoa Hướng Dương thành phố Thủ Dầu Một
468.	5.	Trường Mầm non Tuổi Thơ thành phố Thủ Dầu Một
469.	6.	Trường Mầm non Hoa Sen thành phố Thủ Dầu Một
470.	7.	Trường Mầm non Hoa Cúc thành phố Thủ Dầu Một
471.	8.	Trường Mầm non Hoa Mai thành phố Thủ Dầu Một
472.	9.	Trường Mầm non Vành Khuyên thành phố Thủ Dầu Một
473.	10.	Trường Mầm non Tuổi Ngọc thành phố Thủ Dầu Một
474.	11.	Trường Mầm non Rạng Đông thành phố Thủ Dầu Một
475.	12.	Trường Mầm non Măng Non thành phố Thủ Dầu Một
476.	13.	Trường Mầm non Hoa Lan thành phố Thủ Dầu Một
477.	14.	Trường Mầm non Hòa Phú thành phố Thủ Dầu Một
478.	15.	Trường Mầm non Phú Tân thành phố Thủ Dầu Một
479.	16.	Trường Mầm non Đoàn Thị Liên thành phố Thủ Dầu Một
480.	17.	Trường Mầm non Tuổi Xanh thành phố Thủ Dầu Một
481.	18.	Trường Mầm non Hoa Phượng thành phố Thủ Dầu Một
482.	19.	Trường Mầm non Sơn Ca thành phố Thủ Dầu Một

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
483.	20.	Trường Mầm non Huỳnh Thị Hiếu thành phố Thủ Dầu Một
484.	21.	Trường Tiểu học Nguyễn Du thành phố Thủ Dầu Một
485.	22.	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong thành phố Thủ Dầu Một
486.	23.	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi thành phố Thủ Dầu Một
487.	24.	Trường Tiểu học Chánh Nghĩa thành phố Thủ Dầu Một
488.	25.	Trường Tiểu học Phú Thọ thành phố Thủ Dầu Một
489.	26.	Trường Tiểu học Hiệp Thành thành phố Thủ Dầu Một
490.	27.	Trường Tiểu học Chánh Mỹ thành phố Thủ Dầu Một
491.	28.	Trường Tiểu học Tương Bình Hiệp thành phố Thủ Dầu Một
492.	29.	Trường Tiểu học Kim Đồng thành phố Thủ Dầu Một
493.	30.	Trường Tiểu học Tân An thành phố Thủ Dầu Một
494.	31.	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền thành phố Thủ Dầu Một
495.	32.	Trường Tiểu học Định Hoà thành phố Thủ Dầu Một
496.	33.	Trường Tiểu học Định Hoà 2 thành phố Thủ Dầu Một
497.	34.	Trường Tiểu học Phú Hoà 1 thành phố Thủ Dầu Một
498.	35.	Trường Tiểu học Phú Hoà 2 thành phố Thủ Dầu Một
499.	36.	Trường Tiểu học Phú Hoà 3 thành phố Thủ Dầu Một
500.	37.	Trường Tiểu học Phú Mỹ thành phố Thủ Dầu Một
501.	38.	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm thành phố Thủ Dầu Một
502.	39.	Trường Tiểu học Trần Phú thành phố Thủ Dầu Một
503.	40.	Trường Tiểu học Hòa Phú thành phố Thủ Dầu Một
504.	41.	Trường Tiểu học Phú Lợi thành phố Thủ Dầu Một
505.	42.	Trường Tiểu học Phú Tân thành phố Thủ Dầu Một
506.	43.	Trường tiểu học Phú Lợi 2 thành phố Thủ Dầu Một

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
507.	44.	Trường THCS Phú Cường thành phố Thủ Dầu Một
508.	45.	Trường THCS Chánh Nghĩa thành phố Thủ Dầu Một
509.	46.	Trường THCS Chu Văn An thành phố Thủ Dầu Một
510.	47.	Trường THCS Trần Bình Trọng thành phố Thủ Dầu Một
511.	48.	Trường THCS Phú Hoà thành phố Thủ Dầu Một
512.	49.	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai thành phố Thủ Dầu Một
513.	50.	Trường THCS Tương Bình Hiệp thành phố Thủ Dầu Một
514.	51.	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ thành phố Thủ Dầu Một
515.	52.	Trường THCS Hoà Phú thành phố Thủ Dầu Một
516.	53.	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân thành phố Thủ Dầu Một
517.	54.	Trường THCS Định Hòa thành phố Thủ Dầu Một
518.	55.	Trường THCS Phú Mỹ thành phố Thủ Dầu Một
519.	56.	Trường THCS Hiệp An thành phố Thủ Dầu Một
II. Thành phố Thuận An: 52 đơn vị.		
520.	57.	Trường Mầm non Hoa Cúc 2 thành phố Thuận An
521.	58.	Trường Mầm non Hoa Cúc 5 thành phố Thuận An
522.	59.	Trường Mầm non Hoa Cúc 6 thành phố Thuận An
523.	60.	Trường Mầm non Hoa Cúc 7 thành phố Thuận An
524.	61.	Trường Mầm non Hoa Cúc 9 thành phố Thuận An
525.	62.	Trường Mầm non Hoa Cúc 10 thành phố Thuận An
526.	63.	Trường Mầm non Bình Hòa thành phố Thuận An
527.	64.	Trường Mầm non Hoa Mai 1 thành phố Thuận An
528.	65.	Trường Mầm non Hoa Mai 2 thành phố Thuận An
529.	66.	Trường Mầm non Hoa Mai 3 thành phố Thuận An

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
530.	67.	Trường Mầm non Hoa Mai 4 thành phố Thuận An
531.	68.	Trường Mầm non Hoa Mai 5 thành phố Thuận An
532.	69.	Trường Tiểu học Vĩnh Phú thành phố Thuận An
533.	70.	Trường Tiểu học Phú Long thành phố Thuận An
534.	71.	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản thành phố Thuận An
535.	72.	Trường Tiểu học Lái Thiêu thành phố Thuận An
536.	73.	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh thành phố Thuận An
537.	74.	Trường Tiểu học Bình Hòa thành phố Thuận An
538.	75.	Trường Tiểu học Bình Nhâm thành phố Thuận An
539.	76.	Trường Tiểu học Hưng Định thành phố Thuận An
540.	77.	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh thành phố Thuận An
541.	78.	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng thành phố Thuận An
542.	79.	Trường Tiểu học An Thạnh thành phố Thuận An
543.	80.	Trường Tiểu học An Sơn thành phố Thuận An
544.	81.	Trường Tiểu học An Phú thành phố Thuận An
545.	82.	Trường Tiểu học Tuy An thành phố Thuận An
546.	83.	Trường Tiểu học Thuận Giao thành phố Thuận An
547.	84.	Trường Tiểu học Bình Thuận thành phố Thuận An
548.	85.	Trường Tiểu học Bình Quới thành phố Thuận An
549.	86.	Trường Tiểu học Hưng Lộc thành phố Thuận An
550.	87.	Trường Tiểu học Lê Thị Trung thành phố Thuận An
551.	88.	Trường Tiểu học Hồ Văn Mên thành phố Thuận An
552.	89.	Trường Tiểu học Tân Thới thành phố Thuận An
553.	90.	Trường Tiểu học Bình Hòa 2 thành phố Thuận An

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
554.	91.	Trường Tiểu học Thuận Giao 2 thành phố Thuận An
555.	92.	Trường THCS Phú Long thành phố Thuận An
556.	93.	Trường THCS Tân Thới thành phố Thuận An
557.	94.	Trường THCS Châu Văn Liêm thành phố Thuận An
558.	95.	Trường THCS Nguyễn Văn Tiết thành phố Thuận An
559.	96.	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi thành phố Thuận An
560.	97.	Trường THCS Bình Chuẩn thành phố Thuận An
561.	98.	Trường THCS Trịnh Hoài Đức thành phố Thuận An
562.	99.	Trường THCS Nguyễn Thái Bình thành phố Thuận An
563.	100.	Trường THCS Trần Đại Nghĩa thành phố Thuận An
564.	101.	Trường THCS Thuận Giao thành phố Thuận An
565.	102.	Văn phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thuận An
566.	103.	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ thành phố Thuận An
567.	104.	Trường THCS Nguyễn Trung Trực thành phố Thuận An
568.	105.	Trường Tiểu học Thuận Giao 3 thành phố Thuận An
569.	106.	Trường Tiểu học Bình Chuẩn 2 thành phố Thuận An
570.	107.	Trường THCS Bình Chuẩn 2 thành phố Thuận An
571.	108.	Trường Tiểu học Bình Chuẩn 3 thành phố Thuận An
III. Thành phố Dĩ An: 39 đơn vị		
572.	109.	Trường Mầm non Hoa Hồng 1 thành phố Dĩ An
573.	110.	Trường Mầm non Hoa Hồng 2 thành phố Dĩ An
574.	111.	Trường Mầm non Hoa Hồng 3 thành phố Dĩ An
575.	112.	Trường Mầm non Hoa Hồng 4 thành phố Dĩ An
576.	113.	Trường Mầm non Hoa Hồng 5 thành phố Dĩ An

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
577.	114.	Trường Mầm non Hoa Hồng 6 thành phố Dĩ An
578.	115.	Trường Mầm non Hoa Hồng 7 thành phố Dĩ An
579.	116.	Trường Mầm non Thống Nhất thành phố Dĩ An
580.	117.	Trường Mầm non Võ Thị Sáu thành phố Dĩ An
581.	118.	Trường Tiểu học An Bình thành phố Dĩ An
582.	119.	Trường Tiểu học An Bình B thành phố Dĩ An
583.	120.	Trường Tiểu học Bình An thành phố Dĩ An
584.	121.	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân thành phố Dĩ An
585.	122.	Trường Tiểu học Dĩ An thành phố Dĩ An
586.	123.	Trường Tiểu học Dĩ An B thành phố Dĩ An
587.	124.	Trường Tiểu học Dĩ An C thành phố Dĩ An
588.	125.	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm thành phố Dĩ An
589.	126.	Trường Tiểu học Đông An thành phố Dĩ An
590.	127.	Trường Tiểu học Đông Hòa thành phố Dĩ An
591.	128.	Trường Tiểu học Đông Hòa B thành phố Dĩ An
592.	129.	Trường Tiểu học Đông Hòa C thành phố Dĩ An
593.	130.	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn thành phố Dĩ An
594.	131.	Trường Tiểu học Tiểu học Lý Thường Kiệt thành phố Dĩ An
595.	132.	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm thành phố Dĩ An
596.	133.	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến thành phố Dĩ An
597.	134.	Trường Tiểu học Nhị Đồng thành phố Dĩ An
598.	135.	Trường Tiểu học Tiểu học Tân Bình thành phố Dĩ An
599.	136.	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp thành phố Dĩ An
600.	137.	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp B thành phố Dĩ An

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
601.	138.	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp C thành phố Dĩ An
602.	139.	Trường THCS An Bình thành phố Dĩ An
603.	140.	Trường THCS Bình An thành phố Dĩ An
604.	141.	Trường THCS Bình Thắng thành phố Dĩ An
605.	142.	Trường THCS Bình Thắng B thành phố Dĩ An
606.	143.	Trường THCS Dĩ An thành phố Dĩ An
607.	144.	Trường THCS Đông Hòa thành phố Dĩ An
608.	145.	Trường THCS Tân Bình thành phố Dĩ An
609.	146.	Trường THCS Tân Đông Hiệp thành phố Dĩ An
610.	147.	Trường THCS Đông Chiêu thành phố Dĩ An
IV. Thành phố Bến Cát: 36 đơn vị.		
611.	148.	Trường Mầm non Hương Dương thành phố Bến Cát
612.	149.	Trường Mầm non Tân Định thành phố Bến Cát
613.	150.	Trường Mầm non Chánh Phú Hoà thành phố Bến Cát
614.	151.	Trường Mầm non Hoà Lợi thành phố Bến Cát
615.	152.	Trường Mầm non An Tây thành phố Bến Cát
616.	153.	Trường Mầm non Phú An thành phố Bến Cát
617.	154.	Trường Mầm non An Điền thành phố Bến Cát
618.	155.	Trường Mầm non Thới Hòa thành phố Bến Cát
619.	156.	Trường Mầm non 28/7 thành phố Bến Cát
620.	157.	Trường Mầm non Sơn Ca thành phố Bến Cát
621.	158.	Trường Mầm non Ngôi Sao nhỏ thành phố Bến Cát
622.	159.	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn thành phố Bến Cát
623.	160.	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu thành phố Bến Cát

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
624.	161.	Trường Tiểu học Chánh Phú Hoà thành phố Bến Cát
625.	162.	Trường Tiểu học Tân Định thành phố Bến Cát
626.	163.	Trường Tiểu học Thới Hoà thành phố Bến Cát
627.	164.	Trường Tiểu học Hồ Hảo Hớn thành phố Bến Cát
628.	165.	Trường Tiểu học Định Phước thành phố Bến Cát
629.	166.	Trường Tiểu học An Điền thành phố Bến Cát
630.	167.	Trường Tiểu học An Sơn thành phố Bến Cát
631.	168.	Trường Tiểu học Duy Tân thành phố Bến Cát
632.	169.	Trường Tiểu học An Tây thành phố Bến Cát
633.	170.	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh thành phố Bến Cát
634.	171.	Trường Tiểu học An Lợi thành phố Bến Cát
635.	172.	Trường Tiểu học Hòa Lợi thành phố Bến Cát
636.	173.	Trường Tiểu học Mỹ Phước thành phố Bến Cát
637.	174.	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn thành phố Bến Cát
638.	175.	Trường THCS Mỹ Thạnh thành phố Bến Cát
639.	176.	Trường THCS Chánh Phú Hoà thành phố Bến Cát
640.	177.	Trường THCS Lý Tự Trọng thành phố Bến Cát
641.	178.	Trường THCS Bình Phú thành phố Bến Cát
642.	179.	Trường THCS Lê Quý Đôn thành phố Bến Cát
643.	180.	Trường THCS Phú An thành phố Bến Cát
644.	181.	Trường THCS An Điền thành phố Bến Cát
645.	182.	Trường THCS Thới Hòa thành phố Bến Cát
646.	183.	Trường THCS Mỹ Phước thành phố Bến Cát
V. Huyện Bắc Tân Uyên: 24 đơn vị.		

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
647.	184.	Trường Mầm non Hoa Cúc huyện Bắc Tân Uyên
648.	185.	Trường Mầm non Hoa Phong Lan huyện Bắc Tân Uyên
649.	186.	Trường Mầm non Sơn Ca huyện Bắc Tân Uyên
650.	187.	Trường Mầm non Trúc Xanh huyện Bắc Tân Uyên
651.	188.	Trường Mầm non Hiếu Liêm huyện Bắc Tân Uyên
652.	189.	Trường Mầm non Bông Trang huyện Bắc Tân Uyên
653.	190.	Trường Mầm non Tân Lập huyện Bắc Tân Uyên
654.	191.	Trường Mầm non Măng Non huyện Bắc Tân Uyên
655.	192.	Trường Mầm non Thường Tân huyện Bắc Tân Uyên
656.	193.	Trường Mầm non Hoa Anh Đào huyện Bắc Tân Uyên
657.	194.	Trường Tiểu học Tân Bình huyện Bắc Tân Uyên
658.	195.	Trường Tiểu học Bình Mỹ huyện Bắc Tân Uyên
659.	196.	Trường Tiểu học Tân Lập huyện Bắc Tân Uyên
660.	197.	Trường Tiểu học Tân Thành huyện Bắc Tân Uyên
661.	198.	Trường Tiểu học Tân Định huyện Bắc Tân Uyên
662.	199.	Trường Tiểu học Thường Tân huyện Bắc Tân Uyên
663.	200.	Trường Tiểu học Đất Cuốc huyện Bắc Tân Uyên
664.	201.	Trường Tiểu học Hiếu Liêm huyện Bắc Tân Uyên
665.	202.	Trường Tiểu học - THCS Tân Mỹ huyện Bắc Tân Uyên
666.	203.	Trường Tiểu học - THCS Lạc An huyện Bắc Tân Uyên
667.	204.	Trường THCS Tân Thành huyện Bắc Tân Uyên
668.	205.	Trường THCS Tân Bình huyện Bắc Tân Uyên
669.	206.	Trường THPT Lê Lợi huyện Bắc Tân Uyên
670.	207.	Trường THPT Tân Bình huyện Bắc Tân Uyên

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
VI. Huyện Bàu Bàng: 23 đơn vị.		
671.	208.	Trường Mầm non Hoa Mai huyện Bàu Bàng
672.	209.	Trường Mầm non Lai Uyên huyện Bàu Bàng
673.	210.	Trường Mầm non Hưng Hòa huyện Bàu Bàng
674.	211.	Trường Mầm non Tân Hưng huyện Bàu Bàng
675.	212.	Trường Mầm non Cây Trường huyện Bàu Bàng
676.	213.	Trường Mầm non Sao Mai huyện Bàu Bàng
677.	214.	Trường Mầm non Ánh Dương huyện Bàu Bàng
678.	215.	Trường Mầm non Họa Mi huyện Bàu Bàng
679.	216.	Trường Tiểu học Lai Hưng huyện Bàu Bàng
680.	217.	Trường Tiểu học Lai Uyên huyện Bàu Bàng
681.	218.	Trường Tiểu học Tân Hưng huyện Bàu Bàng
682.	219.	Trường Tiểu học Hưng Hòa huyện Bàu Bàng
683.	220.	Trường Tiểu học Trừ Văn Thố huyện Bàu Bàng
684.	221.	Trường Tiểu học Long Bình huyện Bàu Bàng
685.	222.	Trường Tiểu học Long Nguyên huyện Bàu Bàng
686.	223.	Trường Tiểu học Bàu Bàng huyện Bàu Bàng
687.	224.	Trường Tiểu học Kim Đồng huyện Bàu Bàng
688.	225.	Trường Tiểu học - THCS Cây Trường huyện Bàu Bàng
689.	226.	Trường THCS Lai Hưng huyện Bàu Bàng
690.	227.	Trường THCS Lai Uyên huyện Bàu Bàng
691.	228.	Trường THCS Quang Trung huyện Bàu Bàng
692.	229.	Trường THCS Trừ Văn Thố huyện Bàu Bàng
693.	230.	Trường THCS Long Bình huyện Bàu Bàng

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
VII. Huyện Phú Giáo: 32 đơn vị		
694.	231.	Trường Mầm non Phước Hòa huyện Phú Giáo
695.	232.	Trường Mầm non An Linh huyện Phú Giáo
696.	233.	Trường Mầm non Tân Long huyện Phú Giáo
697.	234.	Trường Mầm non An Thái huyện Phú Giáo
698.	235.	Trường Mầm non Vĩnh Hòa huyện Phú Giáo
699.	236.	Trường Mầm non Phước Vĩnh huyện Phú Giáo
700.	237.	Trường Mầm non Hòa Mi huyện Phú Giáo
701.	238.	Trường Mầm non Hoa Mai huyện Phú Giáo
702.	239.	Trường Mầm non Tân Hiệp huyện Phú Giáo
703.	240.	Trường Mầm non Phước Sang huyện Phú Giáo
704.	241.	Trường Mầm non An Long huyện Phú Giáo
705.	242.	Trường Mầm non Tam Lập huyện Phú Giáo
706.	243.	Trường Tiểu học Phước Hòa A huyện Phú Giáo
707.	244.	Trường Tiểu học Phước Hòa B huyện Phú Giáo
708.	245.	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa A huyện Phú Giáo
709.	246.	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa B huyện Phú Giáo
710.	247.	Trường Tiểu học - THCS Tam Lập huyện Phú Giáo
711.	248.	Trường Tiểu học Phước Vĩnh A huyện Phú Giáo
712.	249.	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B huyện Phú Giáo
713.	250.	Trường Tiểu học Phước Sang huyện Phú Giáo
714.	251.	Trường Tiểu học Tân Hiệp huyện Phú Giáo
715.	252.	Trường Tiểu học Tiểu học An Linh huyện Phú Giáo
716.	253.	Trường Tiểu học An Thái huyện Phú Giáo

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
717.	254.	Trường Tiểu học An Long huyện Phú Giáo
718.	255.	Trường Tiểu học Tân Long huyện Phú Giáo
719.	256.	Trường Tiểu học An Bình A huyện Phú Giáo
720.	257.	Trường Tiểu học An Bình B huyện Phú Giáo
721.	258.	Trường THCS Phước Hòa huyện Phú Giáo
722.	259.	Trường THCS An Bình huyện Phú Giáo
723.	260.	Trường THCS An Linh huyện Phú Giáo
724.	261.	Trường THCS Trần Hưng Đạo huyện Phú Giáo
725.	262.	Trường THCS Nguyễn Trãi huyện Phú Giáo
VIII. Huyện Dầu Tiếng: 37 đơn vị		
726.	263.	Trường Mầm non 13/3 huyện Dầu Tiếng
727.	264.	Trường Mầm non Hòa Mi huyện Dầu Tiếng
728.	265.	Trường Mầm non Sơn Ca huyện Dầu Tiếng
729.	266.	Trường Mầm non Hoa Mai huyện Dầu Tiếng
730.	267.	Trường Mầm non Minh Thạnh huyện Dầu Tiếng
731.	268.	Trường Mầm non An Lập huyện Dầu Tiếng
732.	269.	Trường Mầm non Thanh An huyện Dầu Tiếng
733.	270.	Trường Mầm non Thanh Tuyền huyện Dầu Tiếng
734.	271.	Trường Mầm non Thanh Tân huyện Dầu Tiếng
735.	272.	Trường Mầm non Định An huyện Dầu Tiếng
736.	273.	Trường Mầm non Định Thành huyện Dầu Tiếng
737.	274.	Trường Mầm non Định Hiệp huyện Dầu Tiếng
738.	275.	Trường Mầm non Bến Súc huyện Dầu Tiếng
739.	276.	Trường Mầm non Long Tân huyện Dầu Tiếng

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
740.	277.	Trường Tiểu học Minh Thạnh huyện Dầu Tiếng
741.	278.	Trường Tiểu học Tiểu học Minh Hoà huyện Dầu Tiếng
742.	279.	Trường Tiểu học Minh Tân huyện Dầu Tiếng
743.	280.	Trường Tiểu học Định Thành huyện Dầu Tiếng
744.	281.	Trường Tiểu học Định Hiệp huyện Dầu Tiếng
745.	282.	Trường Tiểu học Định Phước huyện Dầu Tiếng
746.	283.	Trường Tiểu học Long Hòa huyện Dầu Tiếng
747.	284.	Trường Tiểu học An Lập huyện Dầu Tiếng
748.	285.	Trường Tiểu học Ngô Quyền huyện Dầu Tiếng
749.	286.	Trường Tiểu học Dầu Tiếng huyện Dầu Tiếng
750.	287.	Trường Tiểu học Tiểu học Bến Súc huyện Dầu Tiếng
751.	288.	Trường Tiểu học Hoà Lộc huyện Dầu Tiếng
752.	289.	Trường Tiểu học Thanh An huyện Dầu Tiếng
753.	290.	Trường Tiểu học Thanh Tân huyện Dầu Tiếng
754.	291.	Trường Tiểu học Thanh Tuyền huyện Dầu Tiếng
755.	292.	Trường Tiểu học - THCS Long Tân huyện Dầu Tiếng
756.	293.	Trường THCS Minh Thạnh huyện Dầu Tiếng
757.	294.	Trường THCS Minh Tân huyện Dầu Tiếng
758.	295.	Trường THCS Định Hiệp huyện Dầu Tiếng
759.	296.	Trường THCS Long Hoà huyện Dầu Tiếng
760.	297.	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm huyện Dầu Tiếng
761.	298.	Trường THCS Thanh An huyện Dầu Tiếng
762.	299.	Trường THCS An Lập huyện Dầu Tiếng
IX. Công đoàn Ngành Giáo dục: 48.		

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
763.	300.	Trường THPT Bình An
764.	301.	Trường THPT Dĩ An
765.	302.	Trường THPT Tân Bình
766.	303.	Trường THPT Bến Cát
767.	304.	Trường THCS và THPT Minh Hòa
768.	305.	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
769.	306.	Trường THPT Trịnh Hoài Đức
770.	307.	Trường THPT Võ Minh Đức
771.	308.	Trường THPT Thái Hòa
772.	309.	Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ
773.	310.	Trường THPT Tân Phước Khánh
774.	311.	Trường THPT Lê Lợi
775.	312.	Trường THPT An Mỹ
776.	313.	Trường THPT Tây Nam
777.	314.	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ
778.	315.	Trường THPT Nguyễn An Ninh
779.	316.	Trường THPT Trần Văn Ôn
780.	317.	Trường THPT Bình Phú
781.	318.	Trường THPT Tây Sơn
782.	319.	Trường THPT Thường Tân
783.	320.	Trường THPT Dầu Tiếng
784.	321.	Trường THPT Nguyễn Trãi
785.	322.	Trường THPT Thanh Tuyền
786.	323.	Trường THPT Bàu Bàng

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
787.	324.	Trường THPT Phước Vĩnh
788.	325.	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
789.	326.	Trường THPT Phước Hòa
790.	327.	Trường THPT Long Hòa
791.	328.	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai
792.	329.	Trường THPT Lý Thái Tổ
793.	330.	Trung tâm GDTX và BDNV Tỉnh
794.	331.	Trung tâm GDNN - GDTX Thuận An
795.	332.	Trung tâm GDNN - GDTX Dĩ An
796.	333.	Trung tâm GDNN - GDTX Tân Uyên
797.	334.	Trung tâm GDNN - GDTX Bến Cát
798.	335.	Trung tâm GDNN - GDTX Phú Giáo
799.	336.	Trung tâm GDNN - GDTX Dầu Tiếng
800.	337.	Trung tâm GDNN - GDTX Bàu Bàng
801.	338.	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Đồng An
802.	339.	Trường Tiểu học - THCS - THPT Việt Anh
803.	340.	Trường Trung Tiểu học Pétrus Ký
804.	341.	Trường Trung Tiểu học Đức Trí
805.	342.	Trường Tiểu học - THCS - THPT Ngô Thời Nhiệm
806.	343.	Trường Trung cấp Công nghiệp Bình Dương
807.	344.	Trường Trung cấp Kinh tế Công nghệ Việt Mỹ
808.	345.	Trường THCS - THPT Nguyễn Khuyến
809.	346.	Trường Tiểu học - THCS - THPT Phan Chu Trinh
810.	347.	Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
X. Trực thuộc LĐLĐ tỉnh: 01 đơn vị		
811.	348.	Trường Đại học Thủ Dầu Một

III. KHỐI DOANH NGHIỆP: 465 đơn vị

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
I. Thành phố Thủ Dầu Một: 99 đơn vị		
812.	1.	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Thiên Hồng
813.	2.	Công ty TNHH Fotai Việt Nam
814.	3.	Công ty TNHH Nội Thất Mê Kông
815.	4.	Công ty TNHH Kế toán - Tư vấn - Thuế Tri Thức Việt
816.	5.	Công ty TNHH Thiên Phú
817.	6.	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bảo Vệ Âu Việt
818.	7.	Công ty TNHH Nhà hàng Khách sạn Thắng Lợi
819.	8.	Công ty TNHH Cơ khí Giao thông vận tải Phú Lợi
820.	9.	Công ty TNHH Công nghệ King Jade Việt Nam
821.	10.	Công ty TNHH MTV Nguyễn Bảo Tín
822.	11.	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vận tải Bảo Tín
823.	12.	Công ty TNHH Phi Phụng Việt Nam
824.	13.	Công ty TNHH Rieke Packaging Việt Nam
825.	14.	Công ty TNHH MTV Nguyễn Kim Bình Dương
826.	15.	Công ty TNHH Chế biến Gỗ Khánh Phát
827.	16.	Công Ty TNHH MTV Dịch vụ - Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương
828.	17.	Công Ty Bảo Việt Nhân Thọ Bình Dương
829.	18.	Công Ty TNHH Tri Thức Việt

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
830.	19.	Công ty TNHH Sản xuất Trường Hưng
831.	20.	Công ty TNHH Gỗ Khánh Việt
832.	21.	Công ty TNHH Huệ Hưng Phát
833.	22.	Công ty TNHH Thành Thái
834.	23.	Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Viễn Đông
835.	24.	Công ty TNHH MTV Bo Da
836.	25.	Công ty TNHH Phồn Vinh
837.	26.	Công ty TNHH Eista
838.	27.	Công ty TNHH Becamex - Tokyu
839.	28.	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ cơ khí Toàn Gia
840.	29.	Chi nhánh Công ty TNHH Thanh Lễ - Khách sạn The Mira
841.	30.	Công ty TNHH Kiểm toán U&I
842.	31.	Công ty TNHH Kế toán U&I
843.	32.	Công ty TNHH Huy Hồng
844.	33.	Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng - Thương mại Phong Toàn
845.	34.	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Bình Dương
846.	35.	Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu
847.	36.	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Á Châu
848.	37.	Công ty TNHH Phát Triển
849.	38.	Công ty TNHH Đức Thịnh
850.	39.	Công ty TNHH MTV Long Hưng
851.	40.	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Gia Định
852.	41.	Công ty TNHH MTV Thiên Y
853.	42.	Công ty TNHH An Hòa

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
854.	43.	Công ty TNHH TERRACO Việt Nam
855.	44.	Công ty TNHH Cơ khí P.M.D
856.	45.	Công ty TNHH Hòa Đường
857.	46.	Công ty TNHH Sản xuất thủ công Mỹ nghệ Đồng Tâm
858.	47.	Công ty TNHH KAI RUI ENTERPRISES Việt Nam
859.	48.	Công ty TNHH MTV In ấn Văn phòng phẩm Danh Tiếng Phát
860.	49.	Công ty TNHH Long mi BNQ
861.	50.	Chi nhánh Công ty TNHH Cao phong tại Bình Dương
862.	51.	Công ty TNHH In & Giấy Nhật Tâm
863.	52.	Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex
864.	53.	Công ty TNHH Giáo dục Pétrus Ký
865.	54.	Công ty TNHH In Ấn Kim Long
866.	55.	Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Vy
867.	56.	Công ty TNHH MTV Xây dựng Hiếu Ngân
868.	57.	Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thiên Phát Lộc
869.	58.	Công ty TNHH Hoàng Mộc Thiên
870.	59.	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng kỹ thuật
871.	60.	Công ty Cổ phần Giải pháp cơ điện Mes
872.	61.	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa
873.	62.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Thủ Dầu Một
874.	63.	Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương
875.	64.	Công ty Cổ phần Toyota Bình Dương
876.	65.	Công ty Cổ phần Nông Nghiệp U&I
877.	66.	Công ty Cổ phần Văn hóa và Thương mại Bình Dương

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
878.	67.	Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương
879.	68.	Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Đầu tư Bình Dương
880.	69.	Công ty Bảo Việt Bình Dương
881.	70.	Công ty Cổ phần Đại Nam
882.	71.	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (Becamex BCE)
883.	72.	Công ty Bảo Minh Bình Dương
884.	73.	Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương
885.	74.	Công ty Cổ phần Cơ khí Phú Lợi
886.	75.	Công ty Cổ phần Phát Huy Thành
887.	76.	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị (UDJ)
888.	77.	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng không nung Toàn Thắng
889.	78.	Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Địa ốc An Thịnh Phát
890.	79.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi
891.	80.	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)
892.	81.	Trường Mầm non Ngô Thời Nhiệm
893.	82.	Trường Mầm non Trà My 2
894.	83.	Trường Mầm non Hoa Trạng Nguyên
895.	84.	Trường Mầm non Hoa Bé Ngoan
896.	85.	Trường Mầm non Bác Học
897.	86.	Trường Mầm non Đom Đóm
898.	87.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành
899.	88.	Công ty Cổ phần Thắng Lợi Bình Dương
900.	89.	Doanh nghiệp tư nhân Mỹ nghệ Bách Việt
901.	90.	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Tư thực Bình Dương

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
902.	91.	Quỹ Tín dụng Nhân dân Hiệp Thành
903.	92.	Doanh nghiệp tư nhân Hương Quỳnh
904.	93.	Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn
905.	94.	Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ
906.	95.	Công ty TNHH Lotte Việt Nam
907.	96.	Công ty TNHH Giai Lâm
908.	97.	Công ty TNHH MTV XIE XIN Việt Nam
909.	98.	Công ty TNHH GOMO Việt Nam
910.	99.	Công ty TNHH EB Bình Dương
II. Thành phố Thuận An: 83 đơn vị		
911.	100.	Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An
912.	101.	Công ty Cổ phần Thực phẩm Xanh
913.	102.	Công ty Cổ phần Nhựa Bảo Vân
914.	103.	Công ty TNHH MTV Giống gia súc Vietswan
915.	104.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đất Xanh Miền Đông Việt Nam
916.	105.	Công ty Cổ phần J - Việt
917.	106.	Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài
918.	107.	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco
919.	108.	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương
920.	109.	Công ty Cổ phần CIC 39
921.	110.	Công ty Cổ phần Greatree Industrial
922.	111.	Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Vũ Phong
923.	112.	Công ty Cổ phần Vietfurni
924.	113.	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Lương thực Phước An

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
925.	114.	Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
926.	115.	Doanh nghiệp tư nhân Việt Nhật
927.	116.	Doanh nghiệp tư nhân Trường Khánh
928.	117.	Công ty TNHH Sứ kỹ thuật Minh Long 2
929.	118.	Công ty TNHH Cường Phát
930.	119.	Công ty TNHH Sơn Tison
931.	120.	Công ty TNHH Gốm sứ Minh Phát
932.	121.	Công ty TNHH Long Vân
933.	122.	Công ty TNHH MaiCo
934.	123.	Công ty TNHH Thông Thuận
935.	124.	Công ty TNHH An Cơ Bình Dương
936.	125.	Công ty TNHH Hiệp Long
937.	126.	Công ty TNHH Nam Cường Bình Dương
938.	127.	Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Hoá keo Bình Thạnh
939.	128.	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ và Chế biến gỗ Khoa Lâm
940.	129.	Công ty TNHH Phương Hạnh
941.	130.	Công ty Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Toàn Châu
942.	131.	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thọ An
943.	132.	Công ty TNHH MTV Tia Sáng
944.	133.	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thiệu Văn
945.	134.	Công ty Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoài Phương
946.	135.	Công ty TNHH Lih Dah Yueh (Việt Nam)
947.	136.	Công ty TNHH C&H International Vina
948.	137.	Công ty TNHH Cát Điền

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
949.	138.	Công ty TNHH TigerWood
950.	139.	Công ty TNHH TM giày da Giang Phạm
951.	140.	Công ty Công ty TNHH MTV TM DV Hào Yến
952.	141.	Công ty TNHH SX TM Chánh Phẩm
953.	142.	Công ty TNHH Mỹ nghệ Kim Hoa
954.	143.	Công ty TNHH SX TM DV Phúc Huy
955.	144.	Công ty TNHH Nhật Tường
956.	145.	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Việt Trần
957.	146.	Công ty TNHH Sản xuất Bestone
958.	147.	Công ty TNHH MTV Sản xuất Tam Việt
959.	148.	Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng Phú Việt Cường
960.	149.	Công ty TNHH Rochdale Spears
961.	150.	Công ty TNHH Ván lạng mỏng Ghép hình nghệ thuật Pro-Concepts
962.	151.	Công ty TNHH Ngũ kim Che Ye
963.	152.	Công ty TNHH Y & J Vina
964.	153.	Công ty TNHH Việt Nam TNT Fibers
965.	154.	Công ty TNHH Chia Hsin Resins
966.	155.	Công ty TNHH Chế biến Gia vị Nedspice Việt Nam
967.	156.	Công ty TNHH King Wind Industrial
968.	157.	Công ty TNHH Gritti Việt Nam
969.	158.	Công ty TNHH Chyang Sheng Việt Nam
970.	159.	Công ty TNHH ASG VINA
971.	160.	Công ty TNHH Fontina Việt Nam
972.	161.	Công ty TNHH Hoshin Precision

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
973.	162.	Công ty TNHH SungJin INC Vina
974.	163.	Công ty Công ty TNHH KWAN TAT Việt Nam
975.	164.	Công ty TNHH Bang Đức
976.	165.	Công ty TNHH Công Nghiệp Wei Sing
977.	166.	Công ty TNHH Seo Kwang Vina E.V.A
978.	167.	Công ty TNHH Yufeng Enterprise
979.	168.	Công ty TNHH Furniture Resources Việt Nam
980.	169.	Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam
981.	170.	Chi nhánh Công ty TNHH Lixil Việt Nam tại Bình Dương
982.	171.	Công ty TNHH Đăng Quang Vina
983.	172.	Công ty TNHH Sao Minh
984.	173.	Công ty TNHH Furushima Việt Nam
985.	174.	Công ty TNHH VMC Hoàng Gia chi nhánh Bình Dương
986.	175.	Công ty TNHH G & I Textile Việt Nam
987.	176.	Công ty TNHH Phú An
988.	177.	Công ty TNHH Phong Hảo
989.	178.	Công ty TNHH Nhân Gia Hào
990.	179.	Công ty TNHH Đông Phát
991.	180.	Công ty TNHH Dược Mỹ Phẩm Homi
992.	181.	Công ty Cổ phần Chiếu Xạ An Phú
993.	182.	Công ty TNHH Thiết Chường
III. Thành phố Dĩ An: 120 đơn vị		
994.	183.	Ban quản lý chợ Dĩ An
995.	184.	Chi Nhánh Công ty Cổ phần Vietstar Meiden

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
996.	185.	Chi nhánh Công ty TNHH Minh Hưng Tiền Giang tại Bình Dương
997.	186.	Chi Nhánh Công ty TNHH Nippon Konpo Hồ Chí Minh Tại Bình Dương
998.	187.	Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hoàng Long
999.	188.	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Thiên Nam
1000.	189.	Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Bất Động Sản Dapark
1001.	190.	Công ty Cổ phần Café Hòa Tan Trung Nguyên
1002.	191.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công
1003.	192.	Công ty Cổ phần Cơ Khí Đồng Lực
1004.	193.	Công ty Cổ phần Điện Cơ Quan Hiện
1005.	194.	Công ty Cổ phần Điện Sóng Thần
1006.	195.	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Anvet
1007.	196.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Hải Dương
1008.	197.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Mầm non Việt Nam
1009.	198.	Công ty Cổ phần Global Catering
1010.	199.	Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Tiến
1011.	200.	Công ty Cổ phần Green Speed
1012.	201.	Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Long Việt
1013.	202.	Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel
1014.	203.	Công ty Cổ phần Oseven
1015.	204.	Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước Giải Khát Nam Việt
1016.	205.	Công ty Cổ phần Trung Thành
1017.	206.	Công ty Cổ phần Tư Vấn Thương mại Dịch vụ Xây dựng Điện Kỹ Thuật Hoàng Quân
1018.	207.	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương
1019.	208.	Công ty Cổ phần VKC Holdings

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1020.	209.	Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á
1021.	210.	Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Tư Xây Dựng Đức Lộc
1022.	211.	Công ty Luật TNHH Hãng Luật Bigboss Law
1023.	212.	Công ty TNHH Anh Khoa
1024.	213.	Công ty TNHH Bao bì Saha Dharawat
1025.	214.	Công ty TNHH Cách Anh
1026.	215.	Công ty TNHH Cao Su Việt
1027.	216.	Công ty TNHH Chang Shuen
1028.	217.	Công ty TNHH Công nghiệp Bửu Chi
1029.	218.	Công ty TNHH Công nghiệp Mean Young
1030.	219.	Công ty TNHH Cơ Khí Khuôn Mẫu Ninh Bình
1031.	220.	Công ty TNHH Cơ Khí Minh Đức
1032.	221.	Công ty TNHH Công Nghiệp Nghệ Năng
1033.	222.	Công ty TNHH Chế tạo cơ khí Hoàng Lâm
1034.	223.	Công ty TNHH Cường Thịnh
1035.	224.	Công ty TNHH Đá Xanh
1036.	225.	Công ty TNHH Daido Việt Nam
1037.	226.	Công ty TNHH Daiyu Steel Việt Nam
1038.	227.	Công ty TNHH Datafa
1039.	228.	Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Cơ Khí Bình Minh
1040.	229.	Công ty TNHH DCT Partners Việt Nam
1041.	230.	Công ty TNHH Điện Tử Asti
1042.	231.	Công ty TNHH Điện Tử TT
1043.	232.	Công ty TNHH Doanh Đức

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1044.	233.	Công ty TNHH Đông Hòa
1045.	234.	Công ty TNHH Đông Nam
1046.	235.	Công ty TNHH Đức Lợi
1047.	236.	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Y Tế Phòng Khám Đa Khoa Vũ Cao
1048.	237.	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đại Hùng Lực
1049.	238.	Công ty TNHH EB Bình Dương – Siêu thị BIG C Dĩ An
1050.	239.	Công ty TNHH Forever Industries
1051.	240.	Công ty TNHH Giáo Dục Trái Đất Xanh
1052.	241.	Công ty TNHH MTV Gỗ An Việt
1053.	242.	Công ty TNHH Gỗ Bình Minh
1054.	243.	Công ty TNHH Gỗ Thượng Hồng
1055.	244.	Công ty TNHH Gỗ Tiến Thuận
1056.	245.	Công ty TNHH Gold Coin Feedmill Bình Dương
1057.	246.	Công ty TNHH GT Express
1058.	247.	Công ty TNHH Hai Thành Viên Thiết Đan
1059.	248.	Công ty TNHH Hoàng Long
1060.	249.	Công ty TNHH Hoàng Nhân
1061.	250.	Công ty TNHH Junko Vina
1062.	251.	Công ty TNHH Kho Lạnh CLK
1063.	252.	Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện Kiều Nhất
1064.	253.	Công ty TNHH Lighting Saigon
1065.	254.	Công ty TNHH Long Thuận
1066.	255.	Công ty TNHH Machi (Việt Nam)
1067.	256.	Công ty TNHH Magictex

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1068.	257.	Công ty TNHH MTV Bệnh Viên Đa Khoa Ngọc Hồng
1069.	258.	Công ty TNHH MTV Châu Hoa Việt
1070.	259.	Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Ausabaco
1071.	260.	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan
1072.	261.	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Mỹ Anh
1073.	262.	Công ty TNHH MTV Gỗ Hoàng Thông
1074.	263.	Công ty TNHH MTV MV Investment
1075.	264.	Công ty TNHH MTV Phẩm Hoàn
1076.	265.	Công ty TNHH MTV Sản xuất G H
1077.	266.	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Huyền
1078.	267.	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Giày dép Nguyên Nguyên Phước
1079.	268.	Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Cơ khí Nam Lâm
1080.	269.	Công ty TNHH MTV Thương mại Liên Phong
1081.	270.	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận Tải Đức Phú Cường
1082.	271.	Công ty TNHH Nam Hải
1083.	272.	Công ty TNHH Ngọc Quý
1084.	273.	Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt
1085.	274.	Công ty TNHH Nor-Cal Việt Nam
1086.	275.	Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam
1087.	276.	Công ty TNHH Phú Long Việt Nam
1088.	277.	Công ty TNHH PQ Furniture
1089.	278.	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Thanh Minh
1090.	279.	Công ty TNHH Sơn Toa Việt Nam
1091.	280.	Công ty TNHH SungWoo Vina

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1092.	281.	Công ty TNHH Thương mại – Sản xuất Cơ khí Nguyễn Phú Vinh
1093.	282.	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Hoàng Sơn
1094.	283.	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Phong Thạnh
1095.	284.	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Phước Thành
1096.	285.	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Vĩnh Tiến Nguyên
1097.	286.	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Nhựa Toàn Thịnh
1098.	287.	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Cơ khí Hải Nam
1099.	288.	Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Thuận Hảo
1100.	289.	Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Vạn Chính
1101.	290.	Công ty TNHH Sản xuất – Xuất nhập khẩu Việt Mỹ
1102.	291.	Công ty TNHH Tân Thành Đạt
1103.	292.	Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư và Xây Dựng Tân Đông Hiệp
1104.	293.	Công ty TNHH Thái Dương
1105.	294.	Công ty TNHH Thực Phẩm và Nước Giải Khát Nawon
1106.	295.	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Greensink
1107.	296.	Công ty TNHH Trúc Hào
1108.	297.	Công ty TNHH Vĩnh Xuân
1109.	298.	Công ty TNHH Xếp Dỡ Tuấn Kiệt
1110.	299.	Công ty TNHH Xuân Hồng Lam
1111.	300.	Quỹ tín dụng nhân dân Dĩ An
1112.	301.	Trường Tiểu Học và THCS Hoa Sen
IV. Thành phố Bến Cát: 14 đơn vị		
1113.	302.	Công ty TNHH giấy Vĩnh Nghĩa
1114.	303.	Công ty TNHH Dea Yong VN

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1115.	304.	Công ty TNHH Đồ gỗ nội thất Nha Vinh
1116.	305.	Công ty TNHH MTV Hằng Lực Thái
1117.	306.	Công ty TNHH Lê Minh Furniture
1118.	307.	Công ty TNHH Thiết bị điện tử DaeWoo
1119.	308.	Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương
1120.	309.	Công ty Cổ phần đầu tư Hưng Phước
1121.	310.	Công ty Cổ phần dược phẩm Medisun
1122.	311.	Công ty Cổ phần HP Steel
1123.	312.	Công ty Cổ phần Equi Việt Nam
1124.	313.	Công ty TNHH Công nghiệp Nhà Xanh
1125.	314.	Công ty Cổ phần Le Lumber
1126.	315.	Công ty TNHH Quận Thanh
V. Huyện Bắc Tân Uyên: 39 đơn vị		
1127.	316.	Công ty Cổ phần An Tỷ
1128.	317.	Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phước Phong
1129.	318.	Công ty TNHH Sanh Phát
1130.	319.	Công ty Cổ phần Đá Hoa Tân An
1131.	320.	Công ty TNHH Thường Lang Tân Uyên
1132.	321.	Công ty TNHH Honda Industrial
1133.	322.	Công ty TNHH Quốc tế Đức An
1134.	323.	Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Chí
1135.	324.	Công ty TNHH SQI Việt Nam
1136.	325.	Công ty TNHH Bảo Liên
1137.	326.	Công ty TNHH Hóa học ứng dụng Base Vina

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1138.	327.	Công ty TNHH Đài Kim
1139.	328.	Công ty TNHH Hansung Việt Nam
1140.	329.	Công ty TNHH Hoàn Cầu
1141.	330.	Công ty TNHH Hưng Nhất
1142.	331.	Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Như Kiệt
1143.	332.	Công ty TNHH Kim Đình Hạ
1144.	333.	Công ty TNHH Hóa chất Daliang Việt Nam
1145.	334.	Công ty TNHH Sản xuất Thuộc Da Mỹ Việt
1146.	335.	Chi nhánh Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt
1147.	336.	Công ty TNHH Fit Sky Group Việt Nam
1148.	337.	Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tân Uyên Fico
1149.	338.	Công ty TNHH DS Vina
1150.	339.	Công ty TNHH Gỗ Chân Tâm
1151.	340.	Công ty Cổ phần Thép VAS Tuệ Minh
1152.	341.	Công ty TNHH Young Dong Vina
1153.	342.	Công ty TNHH Chế biến gỗ Hân Nguyên Ký
1154.	343.	Công ty TNHH Quốc tế Yưu Chang Việt Nam
1155.	344.	Công ty TNHH Sản xuất Gỗ An Cường
1156.	345.	Công ty TNHH United Colormate
1157.	346.	Công ty TNHH Sản xuất Thiên Đức Phát
1158.	347.	Công ty TNHH Ngũ Kim Trác Lập
1159.	348.	Công ty TNHH Sparkle Asia Pacific Việt Nam
1160.	349.	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng - Sản xuất Triệu Phú Lộc
1161.	350.	Công ty TNHH Nội thất Q-max

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1162.	351.	Công ty TNHH Apex Material Industrial Việt Nam
1163.	352.	Công ty TNHH Fu Sheng Packing Material Products Việt Nam
1164.	353.	Công ty TNHH Nguyên Liệu Mới Bảo Phát (Việt Nam)
1165.	354.	Công ty TNHH Manufacture Smart Việt Nam
VI. Huyện Bàu Bàng: 21 đơn vị		
1166.	355.	Công ty TNHH Sản xuất Găng tay Y tế Xanh
1167.	356.	Công ty TNHH Công nghệ De Licacy Việt Nam
1168.	357.	Công ty TNHH May mặc Atago Việt Nam
1169.	358.	Công ty TNHH Seah Toàn Cầu Vina
1170.	359.	Công ty TNHH Samho
1171.	360.	Công ty TNHH Fine Chemical Việt Nam
1172.	361.	Công ty Cổ phần Sunz Precision
1173.	362.	Công ty TNHH NCL Việt Nam
1174.	363.	Công ty TNHH Công nghiệp Quan Yu Việt Nam
1175.	364.	Công ty TNHH Leeda Việt Nam
1176.	365.	Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương
1177.	366.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Hiệp Thành
1178.	367.	Công ty TNHH Chain Yarn Việt Nam
1179.	368.	Công ty TNHH Việt Nam Simon Safety Industries
1180.	369.	Công ty TNHH Genepa Việt Nam
1181.	370.	Công ty Cổ phần Kết cấu Thép Đại Thành Phụng
1182.	371.	Công ty TNHH Ewha Vina
1183.	372.	Công ty TNHH RK Resources
1184.	373.	Công ty TNHH Ampacs International

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1185.	374.	Công ty TNHH Jia Bao Rui Việt Nam
1186.	375.	Công ty TNHH Paihong Việt Nam
VII. Huyện Phú Giáo: 04 đơn vị		
1187.	376.	Công ty TNHH Bao bì Asian
1188.	377.	Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương
1189.	378.	Quỹ Tín dụng Nhân dân Phước Hòa
1190.	379.	Công ty TNHH Hải Việt
VIII. Huyện Dầu Tiếng: 04 đơn vị		
1191.	380.	Quỹ Tín dụng Nhân dân Thanh Tuyền
1192.	381.	Công ty TNHH Mai Thảo
1193.	382.	Công ty TNHH thực phẩm 3F Việt
1194.	383.	Công ty Cổ phần Thép Bình Dương
IX. Công đoàn Các khu công nghiệp Bình Dương: 13 đơn vị		
1195.	384.	Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen
1196.	385.	Công ty TNHH Hison Vina
1197.	386.	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Đồng An
1198.	387.	Công ty TNHH Bảo vệ Môi trường Đệ Nhất
1199.	388.	Công ty TNHH Sản xuất Đồ Gỗ Xuất Khẩu
1200.	389.	Công ty TNHH Hansoll Vina
1201.	390.	Công ty TNHH Astro Engineering Việt Nam
1202.	391.	Công ty TNHH Minh Phú
1203.	392.	Công ty TNHH May mặc Lucky Star Việt Nam
1204.	393.	Công ty TNHH Honsin (Việt Nam)
1205.	394.	Công ty TNHH Nhựa Chinli

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1206.	395.	Công ty TNHH Scancom Việt Nam
1207.	396.	Công ty TNHH Đại Tích Ưu
X. Công đoàn Các khu công nghiệp Bến Cát: 58 đơn vị		
1208.	397.	Cơ quan công đoàn các KCN Bến Cát
1209.	398.	Công ty TNHH Chen Tai Việt Nam
1210.	399.	Công ty Cổ phần Tư vấn dịch vụ đầu tư
1211.	400.	Công ty TNHH King Jim Việt Nam
1212.	401.	Công ty TNHH Primacy Việt Nam
1213.	402.	Công ty TNHH White Feathers Internationl
1214.	403.	Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa
1215.	404.	Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam
1216.	405.	Công ty TNHH Patel Việt Nam
1217.	406.	Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex
1218.	407.	Công ty TNHH Foundation Wellness International
1219.	408.	Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam chi nhánh tại Bình Dương
1220.	409.	Công ty TNHH Phước Ý
1221.	410.	Công ty TNHH Diamond Việt Nam
1222.	411.	Công ty TNHH Nova Việt Nam
1223.	412.	Công ty Công ty TNHH Vina Rong Hsing
1224.	413.	Công ty TNHH Sakai Chemical Việt Nam
1225.	414.	Công ty TNHH Toyotsu Vehitecs Việt Nam
1226.	415.	Công ty TNHH Sharp Creation
1227.	416.	Công ty TNHH Sung Shin A
1228.	417.	Công ty TNHH Zhu Rui Việt Nam

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1229.	418.	Công ty TNHH Sandenki Việt Nam
1230.	419.	Công ty TNHH Great Process Việt Nam
1231.	420.	Công ty TNHH New Wide Việt Nam
1232.	421.	Công ty TNHH KSP Việt Nam
1233.	422.	Công ty TNHH Clear Water Metal Việt Nam
1234.	423.	Công ty TNHH Tans Việt Nam
1235.	424.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Nguyên - Nhà máy Cà phê Sài Gòn
1236.	425.	Công ty TNHH MTV JY Vina
1237.	426.	Công ty TNHH Điện tử Hân Việt
1238.	427.	Công ty TNHH Join Win (Việt Nam)
1239.	428.	Công ty TNHH Jung Nam Việt Nam
1240.	429.	Công ty TNHH Rich Fame
1241.	430.	Công ty TNHH Long Yi Industrial (Việt Nam)
1242.	431.	Công ty TNHH BMD Printing Việt Nam
1243.	432.	Công ty TNHH Chung Woo Rope Việt Nam
1244.	433.	Công ty TNHH Supor Việt Nam
1245.	434.	Công ty TNHH Samryong Vina M-Tek
1246.	435.	Công ty TNHH SING Industries Gas Việt Nam
1247.	436.	Công ty Cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood
1248.	437.	Công ty Cổ phần Giày Đại Lộc
1249.	438.	Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Chen Shan
1250.	439.	Công ty TNHH Tomoku Việt Nam
1251.	440.	Công ty TNHH M2 Global
1252.	441.	Công ty TNHH JuWon Việt Nam

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1253.	442.	Công ty TNHH Chang Bao Việt Nam
1254.	443.	Công ty TNHH Công nghiệp Kitech Việt Nam
1255.	444.	Công ty TNHH Mocal Creative
1256.	445.	Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Yuu Yuu
1257.	446.	Công ty TNHH Phước Ý
1258.	447.	Công ty TNHH Topkey Việt Nam
1259.	448.	Công ty TNHH Sheng Chang
1260.	449.	Công ty TNHH Viet-Screw
1261.	450.	Công ty TNHH Chinli Mỹ Phước
1262.	451.	Công ty TNHH Sản xuất và Xuất khẩu KVB
1263.	452.	Công ty TNHH Castec Vina
1264.	453.	Công ty TNHH Xưởng giấy Chánh Dương
1265.	454.	Công ty TNHH King Chou Việt Nam
XI. Công đoàn Ngành Y tế (cũ): 05 đơn vị		
1266.	455.	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo
1267.	456.	Bệnh viện Đa khoa Vạn Phúc 2 - Công ty Cổ phần Bệnh viện Vạn Phúc
1268.	457.	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Phương Chi
1269.	458.	Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước
1270.	459.	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Medic Bình Dương
XII. Khối doanh nghiệp có CDCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh: 06 đơn vị		
1271.	460.	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bình Dương
1272.	461.	Công ty TNHH YAZAKI EDS Việt Nam
1273.	462.	Công ty TNHH Chí Hùng
1274.	463.	Công ty TNHH Shyang Hung Cheng

TT	TT (Theo Khối)	TÊN ĐƠN VỊ
1275.	464.	Công ty TNHH Giày Thông Dụng
1276.	465.	Công ty TNHH Công nghiệp Hải Mỹ
